Số: 962/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-06-02T16:33:32+07:00

UBND XÃ PHÚ NINH

Mẫu biểu số 56/NĐ31

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN SỰ NGHIỆP ĐƠN VỊ 2025

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND xã Phú Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác	So sánh (%)
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
	Tổng	**147.987,124**	**134.252,256**	**51.390,767**	**1.004,644**	**1.933,610**	**1.353,713**	**1.545,018**	**402,717**	**338,823**	**1.691,289**	**11.767,165**	**4.098,389**	**1.470,119**	**6.198,657**	**40.570,730**	**22.213,782**	**40,000**	**118.7%**
I	**Tổng hợp ngân sách xã**	**147.987,124**	**134.252,256**	**51.390,767**	**1.004,644**	**1.933,610**	**1.353,713**	**1.545,018**	**402,717**	**338,823**	**1.691,289**	**11.767,165**	**4.098,389**	**1.470,119**	**6.198,657**	**40.570,730**	**22.213,782**	**40,000**	**90.51%**
1	Trường Tiểu học Thái Phiên	5.365,263	5.361,689	5.361,689															99.93%
2	Trường Tiểu học Lê Hoàn	12.082,017	12.032,939	12.032,939															99.59%
3	Trường THCS Chu Văn An	5.465,712	5.222,594	5.212,594		10,000													95.55%
4	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	6.045,878	6.021,492	6.021,492		-													99.6%
5	Trường Mẫu giáo Ánh Hồng	4.545,652	4.543,187	4.543,187		-													99.95%
6	Trường Mẫu giáo Bình Minh	3.038,100	3.035,900	3.035,900		-													99.93%
7	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	3.105,239	3.102,589	3.102,589		-													99.91%
8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	11.396,896	11.315,019	11.305,019		10,000													99.28%
9	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Xã Phú Ninh	6.655,332	6.421,692	-	865,126	614,003	-					35,610		33,720	1,890	4.906,952			96.49%
10	Văn phòng Đảng ủy Xã Phú Ninh	5.121,168	4.812,040	-	-	-	-				-	-	-	-	-	4.812,040			93.96%
11	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phú Ninh	4.908,224	4.872,863	-	-	-	-				261,030	847,860	18,430	-	829,430	3.763,973			99.8%
12	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Phú Ninh	34.419,752	28.184,319	649,090	-	-	1.251,345	184,816		38,718	-	273,592	-	6,999	266,593	9.375,500	16.411,257		81.88%
13	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Phú Ninh	756,559	675,761	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	675,761	-		89.32%
14	Phòng kinh tế xã Phú Ninh	41.630,081	35.467,013	100,207	139,518	900,974	102,368	1.131,448	131,650	300,105	1.415,259	8.614,831	4.079,959	994,111	3.540,761	16.828,129	5.802,524		84.45%
15	Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Phú Ninh	3.012,618	2.744,527	26,060		-	-	228,754	271,067		15,000	1.995,272	-	435,289	1.559,982	208,375	-		91.1%
16	Công an xã Phú Ninh	398,634	398,634	-		398,634	-	-						-					100%
17	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	40,000	40,000	-			-											40,000	100%

nguyetttt17-02/06/2026 16:39:33-nguyetttt17-nguyetttt17-nguyetttt17